

Tân Châu, ngày 20 tháng 4 năm 2022

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG
THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 TUYẾN
DÂN CƯ KÊNH VĨNH AN (ĐOẠN LONG PHÚ - PHÚ VĨNH)
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3156/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2022
của Chủ tịch UBND thị xã Tân Châu)

PHẦN I:
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phân công quản lý thực hiện

1.1. Quy hoạch này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động quy hoạch xây dựng trong phạm vi Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tuyến dân cư kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh).

1.2. Căn cứ vào hồ sơ Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tuyến dân cư kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh) được duyệt và các quy định tại bảng Quy định quản lý này, UBND thị xã Tân Châu chỉ đạo tổ chức thực hiện và quản lý xây dựng theo quyền hạn, trách nhiệm được giao; Thỏa thuận địa điểm, tổ chức cấp phép xây dựng theo phân cấp, hướng dẫn việc triển khai các dự án đầu tư, thỏa thuận các giải pháp kiến trúc, quy hoạch cho các công trình cải tạo và xây dựng theo đúng quy hoạch và pháp luật.

Điều 2. Ranh giới, quy mô, tính chất, dân số khu vực lập quy hoạch

2.1. Phạm vi ranh giới quy hoạch:

- Khu quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tuyến dân cư kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú – Phú Vĩnh); Có tứ cận như sau:

- + Hướng Tây Bắc: giáp dân cư đường Nguyễn Thị Định;
- + Hướng Đông Nam: giáp đường dân cư đường tỉnh 953;
- + Hướng Đông: giáp dân cư kênh Vĩnh An hiện hữu;
- + Hướng Tây: giáp Kênh Thần Nông.

2.2. Qui mô:

- Qui mô diện tích : khoảng **28,58** ha.
- Qui mô dân số : khoảng **6.000** người.

2.3. Tính chất:

- Khu vực lập quy hoạch là khu dân cư được xây dựng kiến trúc cảnh quan và kết nối hạ tầng đồng bộ theo tiêu chuẩn đô thị loại III.

- Là khu dân cư đô thị mật độ trung bình, kết hợp cải tạo chỉnh trang đô thị và bổ sung hệ thống hạ tầng kỹ thuật, công viên cây xanh.

Điều 3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án:

3.1. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án quy hoạch được định hướng theo đô thị loại III, cụ thể:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án được áp dụng theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD về quy hoạch xây dựng, quy chuẩn QCVN 07:2016/BXD về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

3.2. Cơ cấu sử dụng đất khu vực quy hoạch:

Bảng cân bằng đất

STT	Thành phần đất đai	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất dân cư	127.577,25	44,64
	- Đất nhà ở chỉnh trang	85.972,75	30,08
	- Đất ở liền kề	41.604,50	14,56
2	Đất ở thương mại – dịch vụ	1.114,43	0,39
3	Đất giao thông	144.804,32	50,67
4	Đất kỹ thuật	1.104,16	0,39
	- Xử lý nước thải	478,23	0,17
	- Cây xanh cách ly	625,93	0,22
5	Đất công viên – cây xanh	11.191,62	3,97
	TỔNG CỘNG	285.791,78	100,00

PHẦN II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phân khu chức năng:

4.1. Đất dân cư: Tổng diện tích 127.577,25 m².

4.1.1. Đất nhà ở chỉnh trang: có tổng diện tích 85.972,75 m², được bố trí cụ thể như sau như sau:

a. Đất nhà ở chỉnh trang (tiếp giáp đường tỉnh 953).

- Ký hiệu : HH1-HH8.
- Tầng cao xây dựng tối đa : ≤5 tầng.

- Mật độ xây dựng tối đa : 80-100% (tuân theo quy chuẩn xây dựng)

- Chỉ giới xây dựng : Trùng chỉ giới đường đỏ.

b. Đất nhà ở chính trang (tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định).

- Ký hiệu : **HH 9-HH18.**

- Tầng cao xây dựng tối đa : ≤ 5 tầng.

- Mật độ xây dựng tối đa : 80-100% (tuân theo quy chuẩn xây dựng)

- Chỉ giới xây dựng :

+ Trùng chỉ giới đường đỏ.

+ Lùi ≥ 1 m so với ranh phía sau nhà.

4.1.2. Đất ở liền kề: có tổng diện tích **41.604,50 m²**, được bố trí cụ thể như sau:

a. Đất ở liền kề (tiếp giáp đường tỉnh 953).

- Ký hiệu : **L10.**

- Tầng cao xây dựng tối đa : ≤ 5 tầng.

- Mật độ xây dựng tối đa : 80-100% (tuân theo quy chuẩn xây dựng)

- Chỉ giới xây dựng : Trùng chỉ giới đường đỏ.

b. Đất ở liền kề (tiếp giáp đường D1 và D2).

- Ký hiệu : **L1-L9.**

- Tầng cao xây dựng tối đa : ≤ 4 tầng.

- Mật độ xây dựng tối đa : 80-100% (tuân theo quy chuẩn xây dựng)

- Chỉ giới xây dựng:

+ Trùng chỉ giới đường đỏ.

+ Lùi ≥ 1 m so với ranh phía sau nhà.

- Các quy định khác như: Thiết kế mẫu (nếu có), Cao độ nền tầng trệt, chiều cao thông thủy các tầng, số tầng, hệ thống PCCC, chỉ giới xây dựng, môi trường (nếu có)... và các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn có liên quan, sẽ được xem xét cụ thể tại hồ sơ thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc hồ sơ xin phép xây dựng.

4.2. Đất ở thương mại – dịch vụ: Tổng diện tích 1.114,43 m².

4.2.1 Đất ở thương mại dịch vụ (tiếp giáp đường tỉnh 953):

- Ký hiệu : **TMDV.**

- Tầng cao tối đa : ≤5 tầng.
- Mật độ xây dựng tối đa : 80%.
- Chỉ giới xây dựng : Trùng chỉ giới đường đỏ.

4.2.2 Đất thương mại dịch vụ (tiếp giáp đường D2):

- Ký hiệu : TMDV.
- Tầng cao tối đa : ≤4 tầng.
- Mật độ xây dựng tối đa : 80%.
- Chỉ giới xây dựng:
 - + Trùng chỉ giới đường đỏ.
 - + Lùi ≥1m so với ranh phía sau nhà.

- Các quy định khác như: Thiết kế mẫu (nếu có), Cao độ nền tầng trệt, chiều cao thông thủy các tầng, số tầng, hệ thống PCCC, chỉ giới xây dựng, môi trường (nếu có)...và các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn có liên quan, sẽ được xem xét cụ thể tại hồ sơ thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc hồ sơ xin phép xây dựng.

4.3. Đất kỹ thuật (Xử lý nước thải + Cây xanh cách ly): Tổng diện tích 1.104,16 m².

- Ký hiệu : KT.
- Tầng cao xây dựng tối đa : 1 tầng.
- Chỉ giới xây dựng khu Xử lý nước thải: Lùi ≥5m so với đường tiếp giáp.

4.4. Đất công viên – cây xanh: Tổng diện tích 11.191,62 m².

- Ký hiệu : CX.
- Tầng cao xây dựng tối đa : 1 tầng.
- Mật độ xây dựng tối đa : 5%.

- Cây xanh phải thiết kế hợp lý để có được tác dụng trang trí, phân cách, chống bụi, chống ồn, phối kết kiến trúc, tạo cảnh quan đường phố, cải tạo vi khí hậu, vệ sinh môi trường, chống nóng, không gây độc hại, nguy hiểm cho khách bộ hành, an toàn giao thông và không ảnh hưởng tới các công trình hạ tầng đô thị. Cây xanh đường phố phải trồng đồng bộ khi thi công hệ thống kỹ thuật hạ tầng.

- Các không gian xanh trong khu vực phải được gắn kết với nhau bằng các đường phố có trồng cây và các dãy cây để hình thành một hệ thống xanh liên tục. Phải tận dụng mọi khoảng trống có thể trồng cây xanh.

- Trồng các loại cây bóng mát dọc theo các trục đường và bao quanh khuôn viên khu đất. Việc trồng cây không được làm ảnh hưởng tới an toàn giao thông, không làm ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường.

- Các loại cây đề nghị sử dụng:

+ Cây táng lớn: Sao, dầu,...

+ Loại tạo cảnh: Cau vườn, cao kiểng, sứ,...

+ Loại có hương: Sứ Ngọc Lan, Hoàng Lan,...

Điều 5. Quy định về hệ thống hạ tầng - kỹ thuật:

5.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Cập nhật, kết nối mạng lưới giao thông ĐT953 và QL80B.

- Đảm bảo sự liên hệ thuận tiện giữa các khu chức năng trong khu đô thị.

Bảng thống kê hệ thống giao thông

STT	Tên đường	Chiều dài	Lộ giới (m)	Chiều rộng (m)			
		(m)		Vĩa hè trái	Mặt đường	Vĩa hè phải	Dải ngăn cách
	Tổng cộng	10.555,52					
1	Quốc lộ 80B	54,45	29	10	9	10	
2	Đường tỉnh TL953	3.332,90	21	4	13	4	
3	Đường Nguyễn Thị Định	3.375,92	12	3	6	3	
4	Đường số 1	64,96	24	6	12	6	
5	Đường số 2	73,12	24	5	12	5	2
6	Đường số 3	64,82	24	6	12	6	
7	Đường N1	38,50	7	1	5	1	
8	Đường N2	35,23	7	1	5	1	
9	Đường N3	35,54	7	1	5	1	
10	Đường N4	64,27	12	3	6	3	
11	Đường N5	71,38	17	4	9	4	
12	Đường N6	68,49	17	4	9	4	
13	Đường N7	60,19	12	3	6	3	
14	Đường D1	276,43	7	1	5	1	
15	Đường D2	2.939,32	7	1	5	1	

5.2. Quy hoạch san nền và thoát nước mưa:

5.2.1. San nền:

- Cao trình san lấp : + 5,450 (CĐQG).

- Tổng khối lượng san lấp : 525.723,13 m³.

5.2.2. Thoát nước mưa:

- Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa độc lập với hệ thống thoát nước bản.

- Sử dụng cống ngầm bằng bê tông cốt thép đúc sẵn, đường kính từ P400 đến P1200, độ dốc đáy cống $\geq 1/D$.

- Các hố ga trên các đoạn cống đặt thẳng được bố trí với khoảng cách từ 25-30m phù hợp với hiện trạng và kích thước của từng loại cống.

- Cửa xả được thiết kế tại điểm cuối của tuyến cống xả trực tiếp ra nguồn tiếp nhận, đảm bảo không bị trượt sạt, xói mòn do nước kênh và nước trong cống gây ra. Vị trí cửa xả được bố trí cuối tuyến thoát ra kênh Thần Nông.

Bảng tổng hợp khối lượng hệ thống thoát nước mưa dự kiến:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống BTCT D600	m	5.572,0
2	Hố ga D600	cái	206,0
3	Cống BTCT D800	m	4.954,0
4	Hố ga D800	cái	169,0
5	Cống BTCT D1000	m	5.251,0
6	Hố ga D1000	cái	221,0
7	Cống BTCT D1200	m	235,0
8	Hố ga D1200	cái	12,0
9	Cửa xả	cửa	3,0

5.3. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

5.3.1. Thoát nước thải:

- Tiêu chuẩn thải nước: 80% Tiêu chuẩn cấp nước.

- Các hố ga thăm xây mới đi theo tuyến thoát nước thải được lắp đặt ở những chỗ nối các tuyến cống, đường cống chuyển hướng, thay đổi độ dốc.

- Các hố ga trên các đoạn cống đặt thẳng được bố trí với khoảng cách từ 25-30m phù hợp với hiện trạng và kích thước của từng loại cống.

- Tuyến cống thoát nước thải được đặt tại vị trí trên vỉa hè của các tuyến đường thu nước thải sinh hoạt từ các hộ dân và các công trình công cộng dẫn về **khu xử lý nước thải tập trung** của khu quy hoạch.

- Vật liệu: sử dụng cống bê tông cốt thép đúc sẵn có đường kính từ P300.

Bảng tổng hợp khối lượng hệ thống thoát nước thải dự kiến

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống BTCT D300	m	6.364
2	Hố ga	cái	240
3	Trạm xử lý nước thải	trạm	01

5.3.2. Vệ sinh môi trường:

- Chất thải rắn: Tiêu chuẩn rác thải 0,9kg/người.ngày. Bố trí các thùng rác trên vỉa hè với khoảng cách hợp lý tại các trục đường Tỉnh 953, Nguyễn Thị Định, đường D2 để thu gom rác thải của các hộ dân. Rác thải được xí nghiệp môi trường đô thị chi nhánh thị xã Tân Châu tổ chức thu gom hàng ngày, đưa về khu rác thải tập trung của thị xã.

5.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

5.4.1. *Nguồn nước:* Xí nghiệp điện cấp nước thị xã Tân Châu cung cấp.

5.4.2. *Tính toán nhu cầu dùng nước:*

- Dân số : 6.000 dân.
- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt (Qsh) : 150 l/ng.ngđêm.
- Tiêu chuẩn cấp nước dịch vụ (Qdv) : $\geq 10\%$ Qsh.
- Tiêu chuẩn cấp nước tưới cây, rửa đường (Qtc) : $\geq 10\%$ Qsh.
- Nước rò rỉ, dự phòng, PCCC(Qtt) : $\geq 15\%$ (Qsh+Qdv+Qtc).
- Nước nhà máy XLNT(Qxlnt) : 10% (Qsh+Qdv+Qtc+Qtt).

Bảng tổng khối lượng hệ thống cấp nước dự kiến

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống uPVC Đ168	m	3.460
2	Ống uPVC Đ114	m	13.650
3	Trụ chữa cháy	trụ	68

5.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện - chiếu sáng:

5.5.1. *Nguồn cấp:* Nguồn điện cung cấp cho khu dân cư là tuyến trung thế hiện hữu trên đường tỉnh 953.

5.5.2. *Tính toán nhu cầu dùng điện:*

- Dân số : 6.000 dân
- Chỉ tiêu điện năng : 1.500kwh/người/năm.
- Chỉ tiêu phụ tải : 500 W/người.
- Chỉ tiêu cấp điện công cộng & dịch vụ : 35% Psh.

Bảng tổng hợp khối lượng hệ thống cấp điện dự kiến

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Đường dây trung thế di dời	m	3.385
2	Đường dây hạ thế	m	16.485
3	Đường dây chiếu sáng	m	13.130
4	Trạm biến áp 630 kVA	trạm	01
5	Trạm biến áp 2000 kVA	trạm	01
6	Trạm biến áp 2500 kVA	trạm	01

5.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Kéo tuyến cáp đi trên tuyến tỉnh lộ 953 từ viễn thông bưu điện tới đầu nối vào khu quy hoạch.

- Mạng lưới cáp thông tin nội bộ sẽ được đầu nối với các tủ cáp của từng khu vực, tùy theo nhu cầu sử dụng mà dùng các loại cáp có dung lượng khác nhau (trùng với dung lượng của các tủ cáp).

- Đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho khu dân cư về các dịch vụ viễn thông:

Bảng tổng hợp khối lượng hệ thống thông tin liên lạc dự kiến

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Phòng máy A&P	phòng	02
2	Máy phát điện tự động	máy	02
3	Tủ cáp	tủ	34
4	Hộp cáp	hộp	147
5	Cáp quang 96ADSS	mét	5.611
6	Cáp quang 24ADSS	mét	7.644

5.7. Cây xanh:

- Cây xanh đường phố và cây xanh công viên cần được nghiên cứu và bố trí hợp lý đúng chức năng cho từng khu vực.

- Hệ thống cây xanh đường phố phải tuân thủ các yêu cầu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, trồng cây không được làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông làm hư hại móng nhà và các công trình ngầm, không gây nguy hiểm (*không trồng cây dễ gãy, đổ*) và lựa chọn loại cây trồng phải đảm bảo theo Quy định quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang được ban hành kèm theo Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 29/7/2014 của UBND tỉnh An Giang. Và Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 về việc ban hành danh mục cây xanh cấm và hạn chế trồng trong phạm vi đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang

Điều 6. Thiết kế đô thị: Thực hiện theo Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị

Nội dung thiết kế đô thị tại từng khu vực như: tầng cao, mật độ xây dựng tối đa, hệ số sử dụng đất, mật độ cây xanh tối thiểu và chỉ giới xây dựng...được xác định theo Quy định quản lý xây dựng kèm theo đồ án quy hoạch.

- Trục không gian chính là các tuyến đường tỉnh 953, đường Nguyễn Thị Định, kết nối các không gian chức năng của toàn khu vực thành chuỗi liên hoàn, các khu chức năng tương hỗ nhau.

- Phân chia khu vực quy hoạch thành 3 vùng quản lý kiến trúc cảnh quan chủ đạo gắn với các khu chức năng:

+ Phân vùng 1: Khu trung tâm bao gồm các công trình thương mại dịch vụ và công viên cây xanh. Khu vực đòi hỏi cao về không gian mở, điểm nhấn, là khu vực cửa ngõ đối ngoại hấp dẫn của khu đô thị.

+ Phân vùng 2: Khu vực bố trí cụm nhà ở.

+ Phân vùng 3: Khu vực nhà ở tự chỉnh trang.

Cụ thể như sau:

+ Đất nhà ở chỉnh trang (tiếp giáp đường tỉnh 953).

* Tầng cao xây dựng tối đa : ≤ 5 tầng.

* Mật độ xây dựng tối đa : 80-100% (tuân theo quy chuẩn xây

dựng)

* Chỉ giới xây dựng : Trùng chỉ giới đường đỏ.

+ Đất nhà ở chỉnh trang (tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định).

* Tầng cao xây dựng tối đa : ≤ 5 tầng.

* Mật độ xây dựng tối đa : 80-100% (tuân theo quy chuẩn xây

dựng)

* Chỉ giới xây dựng:

o Trùng chỉ giới đường đỏ.

o Lùi ≥ 1 m so với ranh phía sau nhà.

+ Đất ở liền kề (tiếp giáp đường tỉnh 953).

* Tầng cao xây dựng tối đa : ≤ 5 tầng.

* Mật độ xây dựng tối đa : 80-100% (tuân theo quy chuẩn xây

dựng)

* Chỉ giới xây dựng : Trùng chỉ giới đường đỏ.

+ Đất ở liền kề (tiếp giáp đường D1 và D2).

* Tầng cao xây dựng tối đa : ≤ 4 tầng.

* Mật độ xây dựng tối đa : 80-100% (tuân theo quy chuẩn xây

dựng)

* Chỉ giới xây dựng:

o Trùng chỉ giới đường đỏ.

o Lùi ≥ 1 m so với ranh phía sau nhà.

+ Đất thương mại dịch vụ (trung tâm thương mại,...)(tiếp giáp đường tỉnh 953):

* Tầng cao tối đa : ≤ 5 tầng.

* Mật độ xây dựng tối đa : 80%.

- * Chỉ giới xây dựng : Trùng chỉ giới đường đỏ.
- + Đất thương mại dịch vụ (trung tâm thương mại,...) (tiếp giáp đường D2):
 - * Tầng cao tối đa : ≤ 4 tầng.
 - * Mật độ xây dựng tối đa : 80%.
 - * Chỉ giới xây dựng:
 - o Trùng chỉ giới đường đỏ.
 - o Lùi ≥ 1 m so với ranh phía sau nhà.
- + Đất kỹ thuật (Xử lý nước thải + Cây xanh cách ly):
 - * Tầng cao xây dựng tối đa : 1 tầng.
 - * Chỉ giới xây dựng khu Xử lý nước thải: Lùi ≥ 5 m so với đường tiếp giáp.
- + Đất cây xanh:
 - * Tầng cao xây dựng tối đa : 1 tầng.
 - * Mật độ xây dựng tối đa : 5%.
- + Độ vưon ban công:
 - * Dọc theo trục đường tỉnh 953, đường số 1, đường số 2, đường số 3, N5, N6: 1,4m.
 - * Dọc theo trục đường Nguyễn Thị Định, N4, N7: 0,9m
 - * Dọc theo trục đường D1, D2, N1, N2, N3: 0,0m
- + Cao trình nền xây dựng cao hơn vỉa hè 0,3m.

Điều 7. Đánh giá môi trường chiến lược: Thực hiện theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường.

Trong quá trình thực hiện Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tuyến dân cư kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh) sẽ có những tác động và diễn biến môi trường cần khắc phục nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Bao gồm:

- Thực hiện công tác kiểm soát, kiểm tra, kiểm kê và quan trắc môi trường không khí. Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu.
- Thực hiện đúng quy hoạch, xây dựng hệ thống công nước thải riêng thu gom về khu xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường bên ngoài.
- Thực hiện đồng bộ cao độ nền xây dựng và hệ thống thoát nước, đảm bảo các tuyến cống có độ dốc phù hợp, không gây ứ đọng nước.

- Xây dựng công viên cây xanh giúp tăng khả năng thoát nước của khu vực, và tăng cường khả năng điều hòa vi khí hậu.
- Trồng cây xanh hai bên hè đường theo phương án quy hoạch để tránh khí thải từ các phương tiện giao thông.
- Sử dụng trang thiết bị tiên tiến ít gây ô nhiễm và tiếng ồn.
- Kiện toàn hệ thống quản lý chất thải rắn của khu đô thị từ khâu thu gom, vận chuyển đến khu xử lý.
- Đối với chất thải xây dựng và chất thải sinh hoạt được thu gom về khu xử lý chất thải rắn của thành phố.
- Phải có biện pháp che chắn công trường giảm thiểu phát tán bụi, tiếng ồn,... gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công xây dựng.
- Nâng cao nhận thức người dân trong việc khai thác sử dụng các hoạt động đô thị theo hướng văn minh, hiện đại.

PHẦN III:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Quy định về tổ chức thực hiện

- Phòng Quản lý Đô thị Tân Châu quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan toàn đô thị và một số khu vực có giá trị kiến trúc, cảnh quan đặc biệt theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu.
- Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu giao cho Phòng Quản lý Đô thị Tân Châu căn cứ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tuyến dân cư kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh) được phê duyệt tổ chức hoặc giao Chủ đầu tư lập các quy hoạch chi tiết trong khu vực dự án được giao thuộc đồ án quy hoạch chi tiết này trên nguyên tắc không làm thay đổi các nội dung cơ bản của quy hoạch và phù hợp theo quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng.

Điều 9. Quy định công bố thông tin

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thị xã Tân Châu và Ủy ban nhân dân phường Long Phú có trách nhiệm tổ chức công bố đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tuyến dân cư kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh) trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội nghị công bố quy hoạch, tổ chức triển lãm đồ án quy hoạch công khai để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.
- Phòng Quản lý Đô thị Tân Châu có trách nhiệm giúp UBND thị xã Tân Châu, lưu trữ hồ sơ quy hoạch để phục vụ công tác quản lý đô thị và cung cấp các thông tin quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân nếu có yêu cầu để phục vụ công tác quản lý theo quy hoạch.

Điều 10. Quy định thi hành

- Quy định quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tuyến dân cư kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh) có giá trị và được thi hành kể từ ngày ký.

- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Phòng Quản lý Đô thị để nghiên cứu trình UBND thị xã Tân Châu quyết định, khi chưa có ý kiến của UBND thị xã Tân Châu thì không được thay đổi.

- Phòng Quản lý Đô thị Tân Châu và Văn phòng HĐND và UBND thị xã có trách nhiệm giúp UBND thị xã Tân Châu, lưu trữ hồ sơ quy hoạch để phục vụ công tác quản lý đô thị và cung cấp các thông tin quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân nếu có yêu cầu để phục vụ công tác quản lý theo quy hoạch.

- Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tuyến dân cư kênh Vĩnh An (đoạn Long Phú - Phú Vĩnh) và bản quy định này được ấn hành và lưu trữ tại:

- + Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu;
- + Sở Xây dựng tỉnh An Giang;
- + Phòng Quản lý đô thị Tân Châu.
- + Văn Phòng HĐND và UBND thị xã

**CHỦ TỊCH**

(Handwritten signature)
Nguyễn Ngọc Vệ